

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

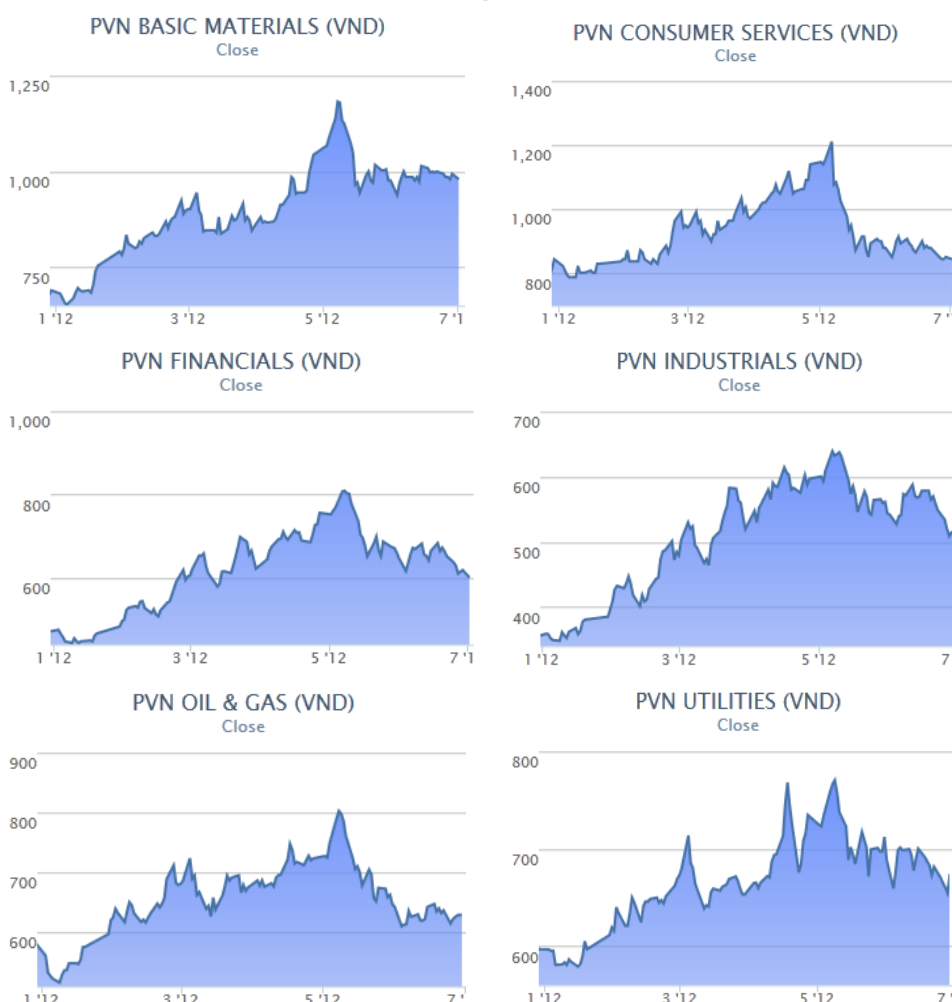


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	794.92	↓-14.42	↓-1.78
PVN All-Share Continuous	672.69	↓-4.83	↓-0.71
PVN All-Share	655.65	↓-4.66	↓-0.71
PVN All-Share HSX	700.76	↓-3.94	↓-0.56
PVN All-Share HNX	583.98	↓-10.71	↓-1.8
PVN Vật Liệu Cơ Bản	979.71	↓-14.49	↓-1.46
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	845.07	↓-7.04	↓-0.83
PVN Tài Chính	601	↓-17.94	↓-2.9
PVN Công Nghiệp	499.85	↓-13.08	↓-2.55
PVN Dầu Khí	627.97	↓-1	↓-0.16
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	670.51	↓-2.46	↓-0.37

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Công Nghiệp

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Dầu Khí

• PVN Tài Chính

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	419.30 ↓	-3.10	-0.73%
KLGD (triệu ck)	38.61 ↓	-16.35	-29.75%
GTGD (tỷ đồng)	620.47 ↓	-369.85	-37.35%
Tổng cung (triệu ck)	73.27 ↓	-66.77	-47.68%
Tổng cầu (triệu ck)	85.40 ↓	-67.22	-44.04%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.44 ↑	0.87	24.45%
KL bán (triệu ck)	3.93 ↑	2.34	146.84%
Giá trị mua (tỷ đồng)	67.45 ↓	-39.19	-36.75%
Giá trị bán (tỷ đồng)	49.31 ↓	-6.35	-11.41%

Nhận định thị trường:

Tuần trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 6/2012 đã giảm 0,26% so với tháng trước, sau 38 tháng tăng liên tục. Mới đây, tổng cục thống kê tiếp tục công bố GDP 6 tháng đầu năm tăng 4,38%, kém hơn so với mức tăng trưởng 5,57% của 6 tháng đầu năm 2011.

Bộ Công thương đã ban hành thông tư mới về giá bán điện. Theo đó, từ 01/07, giá điện bình quân sẽ tăng 65 đồng/kWh (tăng 5%). Như vậy, giá điện bình quân là 1.369 đ/kWh. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính vừa ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt áp dụng tại đô thị đặc biệt, đô thị loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5 và nước sạch khu vực nông thôn từ ngày 11/7/2012. Điểm thay đổi là giá nước sinh hoạt tối đa được điều chỉnh tăng 50% so với trước đó, chỉ trừ khu vực nông thôn.

Nhận định về việc NHNN Việt Nam tiếp tục giảm lãi suất lần thứ 5 trong vòng 6 tháng đầu năm, Financial Times trích nhận định của một số tổ chức. Theo đó, Capital Economics cho rằng đà giảm mạnh của lạm phát trong vòng một năm qua và tốc độ tăng trưởng kinh tế ảm đạm đồng nghĩa với việc các nhà làm chính sách thay đổi ưu tiên hiện nay từ kiểm soát lạm phát sang hỗ trợ tăng trưởng. Theo tổ chức này, SBV sẽ tiếp tục hạ lãi suất trong thời gian tới.

Phiên giảm mạnh đầu tuần khiến HNX-Index bắt đầu ngả dần sang chiều hướng tiêu cực. Chỉ số sàn Hà Nội đang tiếp tục đi theo kênh xu thế giảm và kiểm chứng ngưỡng 70 điểm trong trạng thái thiếu hụt trầm trọng dòng tiền bên mua. Thanh khoản của HNX thậm chí đã xuống thấp hơn cả thời gian cuối năm 2011, và trạng thái này kéo dài có thể sẽ tiếp tục khiến giá nhiều cổ phiếu tiếp tục đi xuống, đặc biệt là các pennies và midcap. Đối với VN-Index, chỉ số chịu nhiều ảnh hưởng từ diễn biến sideway trên hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn nên trạng thái dao động hẹp quanh vùng hỗ trợ 411 điểm có thể sẽ tiếp tục được duy trì trong ngắn hạn.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.10 ↓	-1.00	-1.41%
KLGD (triệu ck)	24.33 ↓	-2.90	-10.66%
GTGD (tỷ đồng)	223.21 ↓	-51.85	-18.85%
Tổng cung (triệu ck)	43.17 ↓	-4.29	-9.04%
Tổng cầu (triệu ck)	31.17 ↓	-9.68	-23.71%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.55 ↑	0.28	102.74%
KL bán (triệu ck)	0.63 ↑	0.27	75.98%
Giá trị mua (tỷ đồng)	5.96 ↑	2.17	57.29%
Giá trị bán (tỷ đồng)	7.09 ↑	2.47	53.44%



Đồ thị HNX-Index.

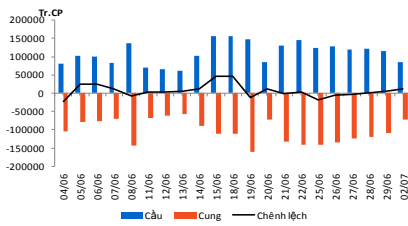
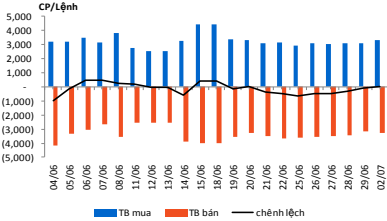
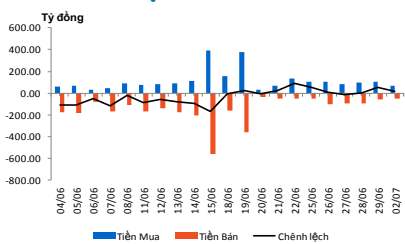
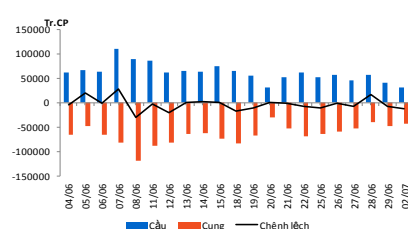
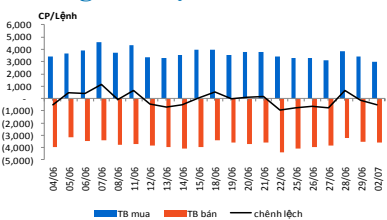
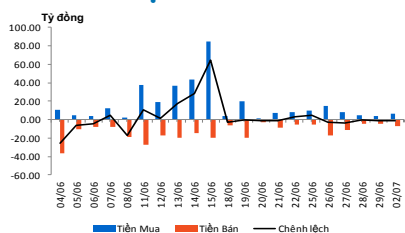
Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Thanh khoản khớp lệnh duy trì mức thấp kỷ lục trong 1 năm qua, nếu tiếp tục kéo dài sẽ khiến HNX-Index tiếp tục giảm trong kênh xu thế hiện tại, đồng thời các pennies, midcap có chiều hướng chịu nhiều rủi ro hơn.

Phiên giảm mạnh đầu tuần khiến HNX-Index bắt đầu nghiêng về chiều hướng tiêu cực. Việc này xác nhận HNX-Index tiếp tục đi trong kênh giá giảm hiện hữu, thậm chí báo hiệu kết thúc kì phục hồi tăng quá ngắn ngủi.

Nhiều công cụ xu thế như MACD, MA cũng như việc ADX vượt lên giá trị 20 cho thấy xu thế giảm đang mạnh dần trên chỉ số HNX-Index.

Vấn đề quan trọng trong các tín hiệu của HNX-Index hiện tại vẫn là KLGD khớp lệnh. KLGD khớp lệnh của sàn Hà Nội đã giảm xuống mức thấp kỷ lục, thấp hơn cả thời điểm cuối 2011 (xem đồ thị ở trên). Yếu tố này được nhìn nhận là một yếu tố tiêu cực, nếu tình trạng này kéo dài thì sự sụt giảm trên thị trường là điều khó tránh khỏi, chỉ khác nhau là giảm nhanh hay giảm từ từ. Bên cạnh đó, KLGD thấp còn cho thấy thị trường hầu như không có dòng tiền ngắn hạn tham gia, theo đó các pennies, midcap (chiếm phần lớn số cổ phiếu trên HNX) sẽ chịu áp lực giảm giá mạnh hơn là đối với chỉ số HNX-Index.

Chúng tôi vẽ so sánh với thời kì cuối năm 2011 để thể hiện rằng với thanh khoản hiện tại, một dòng tiền nhỏ cũng có thể làm thị trường tăng khá mạnh trở lại. Tuy nhiên NĐT vẫn nên tiếp tục chờ đợi một tín hiệu cụ thể. HNX-Index có hỗ trợ tại 66 điểm, và KLGD cần vượt lên trên 40 triệu đơn vị để có thể xuất hiện một sự phục hồi tích cực.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau khoảng 15 phút mở cửa, VN-Index giảm nhẹ 0.43 điểm, tương ứng 0.1% xuống 421.94 điểm. Thanh khoản ở mức 1 triệu đơn vị, trị giá 15.32 tỷ đồng. Vừa bước sang đợt khớp lệnh liên tục, VN-Index bật tăng 0.81 điểm, sau đó nâng lên 2.47 điểm vượt qua mốc 425 khá dễ dàng nhờ các mã như BVH, GAS, HAG, SSI, VCB và một loạt bluechips khác. Tuy nhiên, thanh khoản vẫn ở mức thấp, với khoảng 2 triệu đơn vị, tương đương 29 tỷ đồng. Trên bảng điện tử có khoảng 80 mã tăng giá, 30 mã giảm và 52 mã đứng yên. Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, VN-Index giảm đáng kể, với 2.84 điểm, tức 0.67% xuống 419.53 điểm. Khối lượng giao dịch chỉ vỏn vẹn 18 triệu đơn vị, tương đương 324 tỷ đồng.

Cuối phiên, chỉ số đánh mất 3.07 điểm, tức 0.73% đóng cửa tại 419.3 điểm. Tính chung toàn sàn có 174 mã giảm giá, 55 mã tăng và 59 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Thanh khoản chỉ đạt vỏn vẹn 38.6 triệu đơn vị, trị giá 620 tỷ đồng, nhưng giao dịch thỏa thuận đã chiếm đến 9 triệu đơn vị, trị giá 186 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Thị trường mở cửa phiên đầu tiên của tháng 7 trong sắc xanh, nhưng sự ảm đạm thường thấy vẫn không hề mất đi. Sàn HNX xanh nhẹ từ đầu phiên, nhưng đà tăng khá yếu ớt. Sau khoảng 15 phút, chỉ số ghi nhận 0.25 điểm, tức 0.35% đạt 71.32 điểm. Giao dịch đạt khoảng 1.34 triệu đơn vị, tương đương 12 tỷ đồng. Số mã có giao dịch chỉ đạt 38 mã tăng, 23 mã giảm và 339 mã đứng yên. VND, PVX tăng nhẹ trong khi các bluechips khác đứng yên tại mốc tham chiếu.

Kết thúc phiên buổi sáng, HNX-Index giảm nhưng chưa mất ngưỡng 70 điểm. Tuy vậy, thanh khoản tiếp tục kiệt quệ với 9.9 triệu đơn vị, tương đương 91.79 tỷ đồng.

Về cuối phiên, HNX-Index đóng cửa tại 70,09 điểm, giảm 1,4% so với đóng cửa phiên trước, thanh khoản khớp lệnh ở mức thấp kỉ lục trong 2 năm qua khi chỉ đạt 21,2 triệu đơn vị cổ phiếu khớp lệnh trong phiên.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 2 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và 24 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PPE (giảm 5,88%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 2,67% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5,936 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 02/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	4,800.0	500	↓ -5.88	0.42	12.97	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	12,500	↓ -2.94	0.32	30.00	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,400.0	39,100	↓ -6.38	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,500.0	588,200	↓ -4.21	1.68	1.36	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	9,600.0	88,500	↓ -4.95	0.89	6.08	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,800.0	300	↓ -5.88	0.44	2.65	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	80,100	↓ -1.92	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	14,300.0	169,200	↓ -2.72	0.85	2.14	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,700.0	26,100	↓ -0.93	1.87	4.89	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	97,200	↓ -2.73	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,000.0	74,980	↓ -0.58	0.73	8.59	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,600.0	4,000	↑ 1.82	0.54	2.63	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,100.0	311,135	↓ -1.95	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,400.0	2,180,335	↓ -2.08	0.41	3.53	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,500.0	421,900	↑ 0.26	3.11	12.34	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,800.0	126,460	↓ -1.46	2.02	5.46	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,200.0	18,300	↓ -0.38	1.20	3.19	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,700.0	50,240	→ 0.00	0.66	5.62	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,000.0	250,490	↓ -0.83	0.68	2.96	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,900.0	1,530	→ 0.00	1.66	4.79	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,500.0	158,740	↓ -4.26	0.44	3.49	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,300.0	49,480	↓ -2.49	1.19	6.94	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,900.0	529,630	↓ -4.03	1.04	15.06	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,800.0	403,780	↓ -4.00	0.49	43.64	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,900.0	45,110	↓ -4.84	0.57	3.93	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,800.0	44,280	↓ -4.92	0.53	3.02	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,800.0	96,460	↓ -2.97	0.74	2.94	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,700.0	67,580	↓ -3.39	0.52	3.75	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,200	22,000	-0.90	43,268,010
CII	28,200	26,800	-4.96	29,089,449
SSI	20,800	20,100	-3.37	23,686,337
REE	15,800	15,800	0.00	16,393,212
CSM	25,300	24,100	-4.74	15,579,536

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,200	9,700	-4.90	33,300
PVX	9,600	9,400	-2.08	20,511
GBS	16,000	15,900	-0.62	18,708
SCR	10,200	9,500	-6.86	18,001
PGS	21,400	20,500	-4.21	11,947

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
LHG	16,000	16,800	800	5.00
MPC	28,500	29,900	1,400	4.91
TDW	14,900	15,600	700	4.70
BTP	4,500	4,700	200	4.44
CYC	2,300	2,400	100	4.35

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HHC	14,500	15,500	1,000	6.90
VCM	14,800	15,800	1,000	6.76
UNI	8,900	9,500	600	6.74
SGC	16,400	17,500	1,100	6.71
SEB	16,900	18,000	1,100	6.51

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,500	1,400	-100	-6.67
VES	1,900	1,800	-100	-5.26
KMR	4,000	3,800	-200	-5.00
TLH	6,000	5,700	-300	-5.00
CII	28,200	26,800	-1,400	-4.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
AGC	1,400	1,300	-100	-7.14
MAX	10,000	9,300	-700	-7.00
CVT	10,000	9,300	-700	-7.00
KHL	4,300	4,000	-300	-6.98
NHC	23,000	21,400	-1,600	-6.96

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	13,798	VIC	9,683
IFS	8,916	VSH	9,030
REE	8,859	IFS	8,916
VCB	5,713	STB	4,670
MSN	4,873	HAG	3,238

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
BVS	1,455	VND	2,475
VND	1,024	AAA	1,028
HDO	500	VNR	871
DBC	343	SDT	615
PPS	308	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339